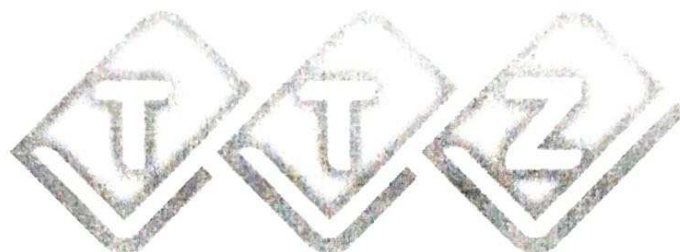


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Tel: 036-382 3162 Fax: 036-368 3162

Website: <http://ttzholdings.com.vn/>



HOLDINGS

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

Thái Bình, tháng 04 năm 2020



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**
- Tên giao dịch viết tắt: **Tien Trung., JSC**
- Nhân hiệu thương mại:



- **Trụ sở chính của Công ty:**
- **Địa chỉ:** Cụm công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- **Mobilcenter:** 0901557585 Fax: 036-368 3162
- **Website:** <http://ttzholdings.com.vn/>
- **Mã số thuế:** 1000332857
- **Nơi mở tài khoản:** 47110000396669 mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thái Bình
- **Vốn điều lệ:** 75.704.440.000 đồng (*Bảy mươi hai tỷ bảy trăm linh bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng.*)

2. Ngành nghề kinh doanh chính:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000332857 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 10/04/2003; số 1000332857 thay đổi lần 10 ngày 17/12/2018, ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty như sau:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác
- Nuôi trồng thủy sản biển

- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
(Chi tiết: Sản xuất bột đá xây dựng; Sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát); Sản xuất đá xây dựng)
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bán buôn gạo
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
(Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng)
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
(Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải)
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.)
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
(Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống)
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
- Sản xuất mô tô, xe máy
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Đại lý, môi giới, đấu giá
(Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá (trừ hàng hóa nhà nước cấm))
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
(Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự)
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
(Chi tiết: Bán buôn than đá, than củi và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Khai thác gỗ
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- Khai thác thủy sản biển
- Khai thác thủy sản nội địa
- Chuẩn bị mặt bằng
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
(Chi tiết: Vận tải hàng hoá đường sông bằng tàu, thuyền)

3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung tiền thân là Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 04 năm 2003, hoạt động chính là khai thác cát, đá, sỏi để cung cấp cho các công trình xây dựng như giao thông đường bộ, xây dựng thủy lợi, các công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh Thái Bình. Qua quá trình phát triển, Công ty ngày một mở rộng kinh doanh thêm các loại nguyên vật liệu xây dựng khác như xi măng, gạch, thép... và đầu tư thêm lĩnh vực vận tải, chuyên vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy. Song song với quá trình đa dạng loại hình kinh doanh, Công ty từng bước mở rộng mạng lưới hoạt động sản xuất kinh doanh, từ cung cấp vật liệu trong tỉnh đến ngoài tỉnh.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 17/12/2010, vốn điều lệ ban đầu thành lập của Công ty Cổ phần là 15 tỷ đồng.

Ngày 2/7/2011, Công ty đã trở thành Công ty đại chúng theo Quyết định số 232/UBCK - QLPH của UBCKNN và đăng ký niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29/1/2013.

Ngày 26/4/2015, Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ thành công, tăng vốn điều lệ Công ty lên 52,5 tỷ đồng, đánh dấu sự phát triển lớn mạnh quy mô, tiềm lực tài chính của Công ty.

Để nâng cao năng lực tài chính, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 29/12/2017, Công ty hoàn thành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 70 tỷ đồng.

Trong năm 2017, 2018 Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 75.704.440.000 đồng.

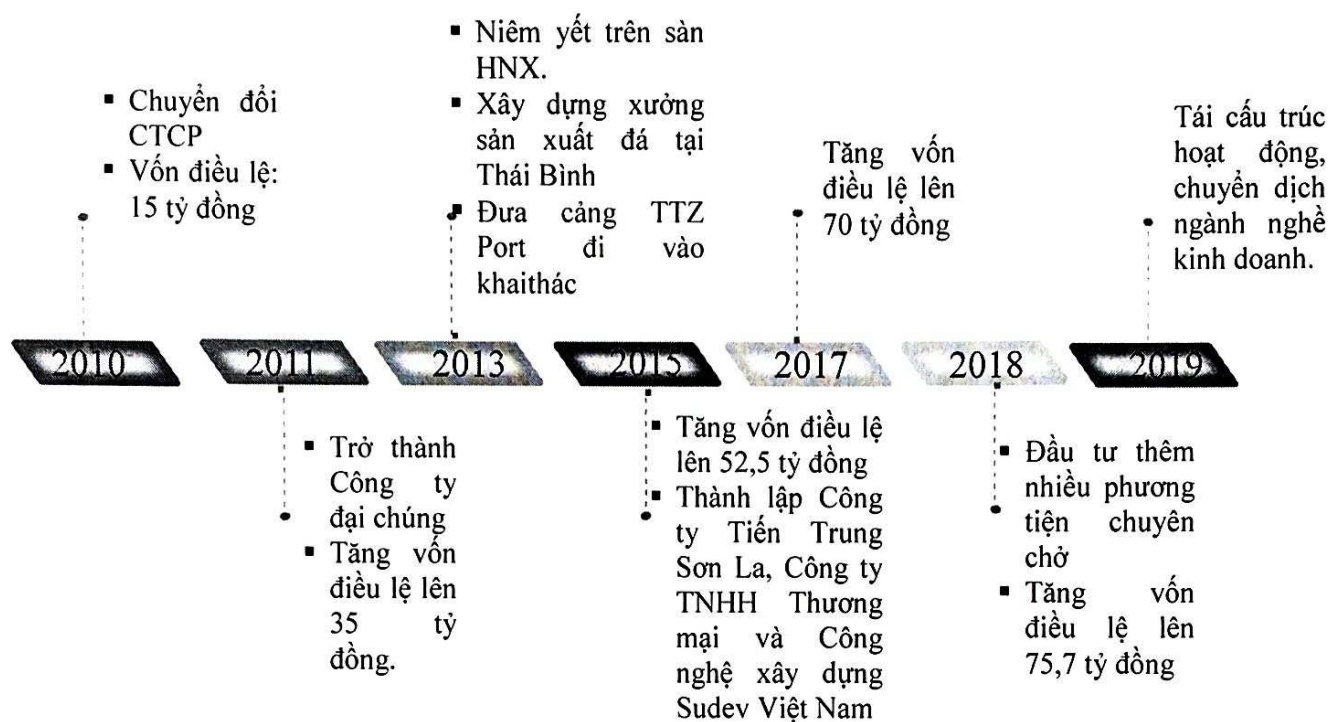
Hiện nay, Công ty là một trong những nhà cung cấp nguyên vật liệu xây dựng, cung ứng dịch vụ kho cảng, vận tải hàng hóa, san lấp mặt bằng, thi công các công trình dân dụng, thủy lợi hàng đầu tại khu vực tỉnh Thái Bình. Với lợi thế vị trí kho bãi, cảng bốc dỡ hàng hóa và sự đầu tư mạnh mẽ về máy móc thiết bị chuyên chở Công ty đã khẳng định được thương hiệu của mình. Trải qua hơn 14 năm phấn đấu trưởng thành, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung không ngừng phát triển, cung cấp vật liệu cho các công trình xây dựng, các dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, xây dựng được thương hiệu mạnh với hơn 100 cán bộ lao động giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết cùng với một đội ngũ công nhân lành nghề.

Trên cơ sở mô hình tổ chức hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung không ngừng củng cố và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản trị điều hành theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và điều khiển, xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp, duy trì hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển Công ty lên một tầm cao mới.

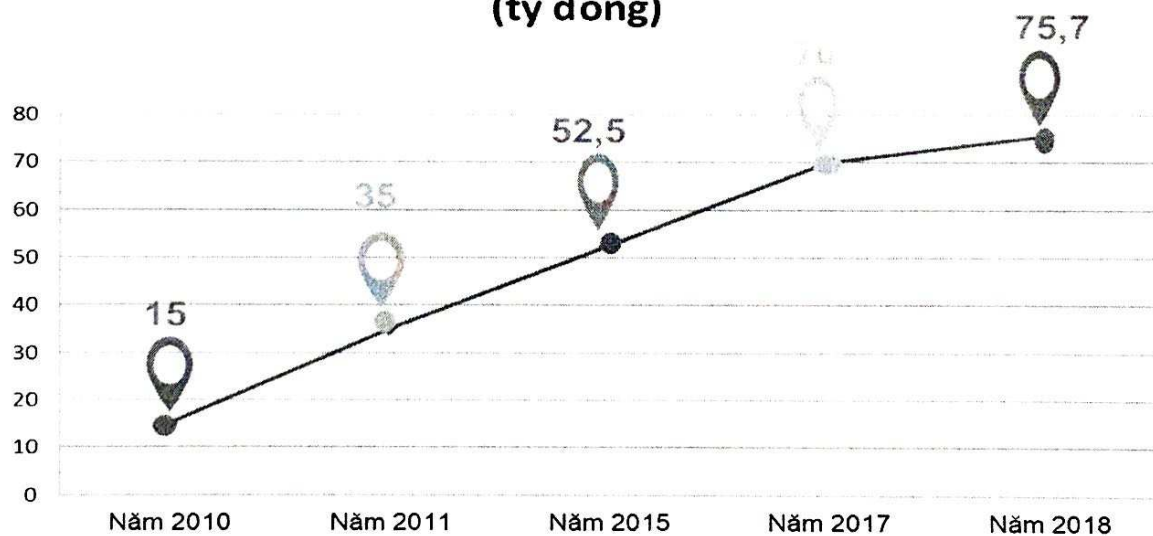
Sau hơn mười năm hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận. Với sức trẻ và lòng nhiệt huyết trên sở phát huy thế mạnh của Công ty, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đang nỗ lực phấn đấu xây dựng Công ty ngày một phát triển lớn mạnh và bền vững.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty Tiên Trung cũng đã khẳng định được thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh, cung cấp vật liệu xây dựng, thi công san lấp mặt bằng thông qua việc đã và đang thực hiện cung cấp vật liệu cho nhiều công trình dự án

Các mốc thời gian và sự kiện tiêu biểu của Công ty

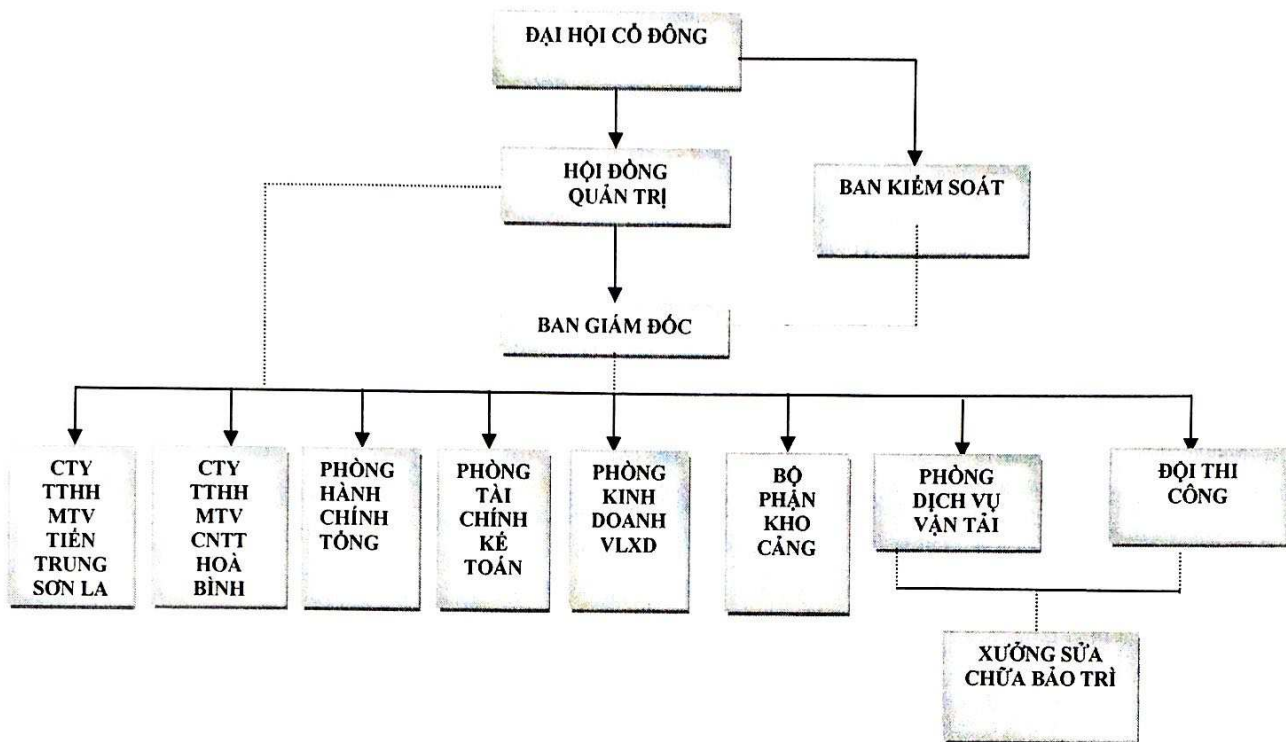


Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty (tỷ đồng)



4. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty



4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

HĐQT là tổ chức quản lý của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT, 04 (bốn) ủy viên HĐQT với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS là 03 (ba) thành viên. Trong BKS phải có ít nhất 1 thành viên là người có chuyên môn về tài chính – kế toán. BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu.

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc của công ty gồm có 01 (một) Tổng Giám đốc và 02 (hai) Phó Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quản lý và điều hành các hoạt động, các công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Tuyển dụng và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Các phòng ban chức năng và Công ty con, liên danh - liên kết:

Phòng Hành chính Tổng hợp.

- a. Công tác đào tạo, tuyển dụng, kỷ luật lao động:
 - Lập kế hoạch đào tạo, tuyển dụng và kỷ luật lao động theo kế hoạch sản xuất hàng năm và theo định hướng phát triển của Công ty.
 - Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ
 - Tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- b. Công tác tổ chức, công tác cán bộ:

- Tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành của bộ máy từ Công ty và các đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, chuẩn bị việc thành lập các hội đồng, ban, đoàn và tổ chức công tác.
- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất, phương án tổ chức sản xuất từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
- Theo dõi, báo cáo thống kê và phân loại lao động và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện phân loại lao động.
- Lập kế hoạch sử dụng nhân lực hàng năm.

c. Công tác Lao động tiền lương và chính sách đối với người lao động:

- Đề xuất, nghiên cứu chế độ tiền lương, chế độ tiền thưởng áp dụng trong Công ty phù hợp với chế độ chính sách của Công ty và của Nhà nước.
- Thực hiện chế độ BHXH, Bảo hiểm y tế các chế độ khác về Bảo hiểm đối với người lao động.

Phòng Tài chính Kế toán:

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn.
- Lập dự toán, tổ chức công tác kế toán, báo cáo quyết toán chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Thực hiện việc chi trả lương, các khoản phụ cấp và các chế độ khác cho Cán bộ công nhân viên toàn Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan tổ chức quản lý thực hiện có hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản của Công ty.
- Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về hoạt động tài chính theo đúng chế độ kế toán. Bảo quản, lưu trữ, các chứng từ kế toán theo quy định.

Phòng Kinh doanh vật liệu xây dựng:

- Giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu doanh số đề ra.
- Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khai thác, tìm kiếm khách hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng về thiết kế và thi công xây dựng.
- Đề xuất và triển khai các chương trình kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh.

- Đề xuất các giải pháp nhằm duy trì và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp với phòng nhân sự trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân viên phòng kinh doanh vật liệu xây dựng.

Bộ phận Kho cảng:

- Lên kế hoạch và làm các thủ tục điều động kho cảng.
- Chịu trách nhiệm làm đầu mối liên hệ với các đơn vị hữu quan: Chủ tàu, chủ hàng, đại lý, hải quan... trong hoạt động kinh doanh khai thác kho cảng.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Đội thi công:

- Thực hiện trực tiếp thi công tại các công trường. Theo dõi, bám sát tiến độ thi công của các công trình đang thực hiện.
- Nghiên cứu, đề xuất Giám đốc công ty về ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ áp dụng vào việc thi công các công trình.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Phòng Dịch vụ Vận tải:

- Cung cấp dịch vụ và tư vấn về vận tải hàng hóa.
- Điều phối xe, cân đối nguồn xe đảm bảo yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Xưởng sửa chữa, bảo trì:

- Thực hiện bảo trì, sửa chữa, khắc phục nhanh chóng các sự cố, hỏng hóc các thiết bị, phương tiện của Công ty.
- Chịu trách nhiệm công tác bảo trì, bảo dưỡng,
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình

- Địa chỉ: Thôn Trọng, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (gạch tuynel, ngói...); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, vôi và thạch cao....
- Vốn điều lệ 38.000.000.000 đồng; Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La

- Địa chỉ: Bản Pó Màng, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vật liệu xây dựng, đầu tư dự án
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con

4.2. Định hướng phát triển của Công ty

Xây dựng Công ty Tiến Trung phát triển một cách toàn diện, bền vững trở thành Công ty mạnh đặc biệt trong các lĩnh vực khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng, vận tải, trở thành đơn vị hàng đầu trong địa bàn tỉnh Thái Bình.

Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự tăng trưởng bền vững. Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo lợi nhuận hàng năm, cải thiện đời sống người lao động và mức thu nhập ổn định của người lao động.

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và từng bước phát triển Công ty Tiến Trung trở thành một doanh nghiệp ổn định, bền vững, một trong những công ty có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài tỉnh Thái Bình.

Xây dựng Công ty Tiến Trung là Công ty sản xuất kinh doanh có uy tín cao trên thị trường sẽ cung ứng cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng, độ tin cậy cao và đạt tiêu chuẩn.

Mục tiêu cụ thể

- Duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng; dịch vụ vận tải; kho cảng; thi công các công trình tại thị trường truyền thống và từng bước mở rộng ra thị trường mới.
- Thực hiện xác lập chuỗi cung ứng khép kín thông qua việc lựa chọn đối tác chiến lược để hợp tác toàn diện từ quá trình sản xuất, vận chuyển, tiêu thụ. Hiện nay TTZ đã ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện với Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà Hòa Bình (HBDH). Theo đó, HBDH sẽ bao tiêu và giới thiệu toàn bộ sản phẩm gạch tuyenl của Nhà máy Phong Phú tại Tân Lạc, Hòa Bình cho TTZ; Cùng với TTZ lập thành liên danh nhà thầu để thi công các công trình có giá trị lớn, kỹ thuật cao. Ngược lại, TTZ sẽ đầu tư vào mảng khai thác đá làm VLXD, góp vốn thành lập Trung tâm siêu thị VLXD & Chất đốt tại Sơn La.
- Nghiên cứu, đầu tư dự án mới cho giai đoạn 2020-2025: Hoạt động sang lĩnh vực Nông nghiệp – Du lịch; Bất động sản và một số ngành nghề phù hợp với chính sách chuyển

dịch cơ cấu kinh tế của Nhà nước, xu hướng hội nhập khu vực asian nhưng phải dựa trên thế mạnh sẵn có (nhân lực, vật lực, quan hệ đối tác....) của TTZ.

4.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành

Với mong muốn phát triển Công ty một cách bền vững, xác lập vị thế của Công ty trong ngành, Công ty Tiến Trung luôn xây dựng định hướng phát triển Công ty phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành dựa trên cơ sở nghiên cứu xu hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước.

Để thu hút được khách hàng, giữ vững và mở rộng thị phần trong ngành, Công ty xác định cần luôn luôn nâng cao năng lực cạnh tranh của mình thông qua:

- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở nghiên cứu kỹ nhu cầu thị trường và thế mạnh của doanh nghiệp.
- Đưa ra các mức giá sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh bằng cách tăng cường quản lý chi phí;
- Chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị;
- Chú trọng trong công tác đấu thầu các dự án trong và ngoài tỉnh;
- Không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý;
- Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên;
- Không ngừng xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp...

Là Công ty có cổ phiếu đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tình hình thị trường chứng khoán hiện nay tuy có những biến động phức tạp, nhưng đây sẽ là những tiền đề để thị trường sẽ ngày càng phát triển theo chiều hướng bền vững, tạo điều kiện, cơ sở thuận lợi cho công ty thực hiện quảng bá tên tuổi và hình ảnh trên cả thị trường chứng khoán.

5. Các rủi ro

Hiện nay, Công tác quản trị rủi ro được Ban lãnh đạo Tiến Trung luôn đặt lên hàng đầu, thông qua việc nhận định, đánh giá những nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tiến Trung. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tiến Trung chủ yếu chịu sự tác động của các rủi ro sau:

2 **Rủi ro chính sách và pháp luật**
Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ...

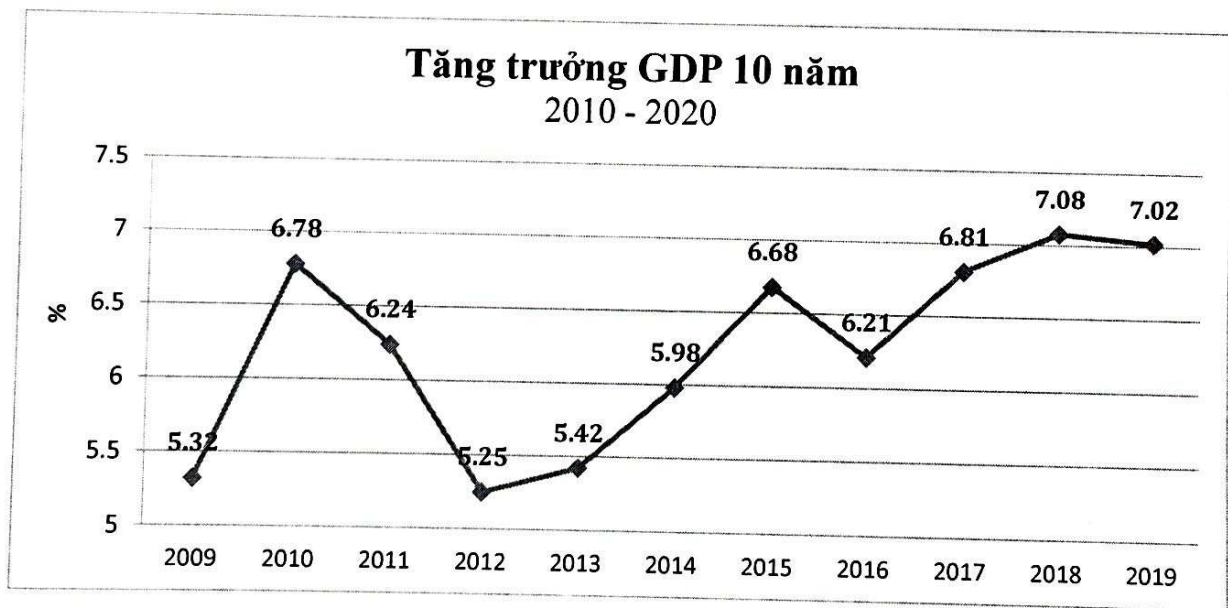
Rủi ro kinh tế
GDP, CPI, Lạm phát, Lãi suất.....

3 **Rủi ro hoạt động**
Biến động giá nguyên vật liệu, rủi ro về cạnh tranh, biến động giá cổ phiếu niêm yết,...

5.1. Rủi ro kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái..., các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bình quân thời kỳ 2006 - 2010 là: 7,01%/năm, thời kỳ 2010 - 2015 khoảng 5,91%/năm. Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 05 năm tới sẽ ở

mức 6,3%, nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt bởi hàng loạt yếu tố như trợ giá hàng hóa thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp FDI cùng với các cải cách về thể chế của nền kinh tế.

Tăng trưởng GDP Việt Nam có dấu hiệu chững lại trong nửa đầu năm 2017 do khó khăn của khu vực khai khoáng trước khi phục hồi ngoạn mục vào nửa cuối năm nhờ động lực của khu vực chế biến chế tạo. Mức tăng GDP 2017 vượt mức kế hoạch đề ra, đạt 6,81%. Trong năm 2018, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn tiếp tục sáng sủa nhờ tiêu dùng và đầu tư nội địa tiếp tục tăng cộng thêm dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khả quan. Mức tăng GDP 2018 đạt mức 7,08% cao nhất từ năm 2008.

Năm 2019 được đánh giá là một năm có mức tăng trưởng ấn tượng trong bối cảnh tình hình kinh tế chính trị xã hội bất ổn trên toàn thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt kết quả ấn tượng, với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (như ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%).

Lãi suất

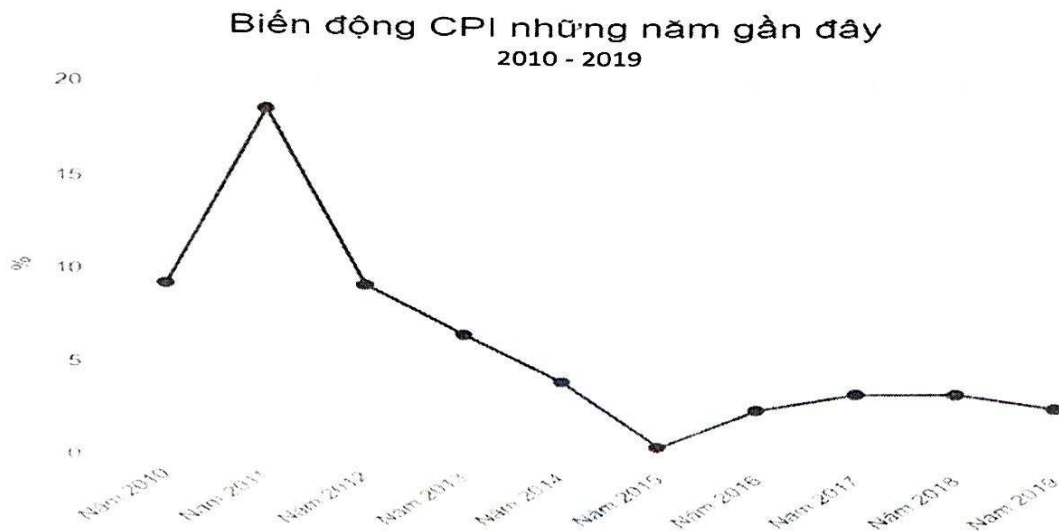
Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay. Lạm phát thấp là cơ sở để Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng, đáp ứng nhu cầu trong hầu hết mọi lĩnh vực và kích thích tiêu dùng. Bên cạnh đó, khi lãi suất huy động và lãi suất cho vay đều giảm sẽ tạo điều kiện khuyến khích người tiêu dùng nhiều hơn, từ đó có tác động tích cực đến sản xuất và tăng trưởng. Năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định so với các năm trước. Việc lãi suất được duy trì ở mức thấp và ổn định đã cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh doanh nông sản và chế biến được liệu nói riêng.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế.

Lạm phát được kiểm soát nhờ thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp về tiền tệ, tín dụng và tài khóa cũng như cơ chế phối hợp linh hoạt giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Chỉ số CPI bình quân năm giảm từ 4,74% năm 2016 xuống 3,54% năm 2018; năm 2019,

giảm còn 2,79%. Như vậy CPI năm 2019 đã được kiểm soát thành công, đạt mức thấp hơn so với chỉ tiêu Quốc hội đề ra (dưới 4%) và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Có thể thấy giữ mức lạm phát thấp là một thành tựu của chính sách vĩ mô trong năm vừa qua nhằm ổn định kinh tế, hướng đến tăng trưởng bền vững. Lạm phát ổn định sẽ không gây sức ép lên mặt bằng lãi suất, tỷ giá qua đó khiến chính sách tiền tệ có nhiều dư địa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong các năm tới.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế nói chung và ngành kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải nói riêng, lạm phát tăng cao có thể làm tăng các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công và lãi vay, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động, kết quả kinh doanh và tiềm năng phát triển của doanh nghiệp. Để giảm thiểu các rủi ro tăng giá và chi phí, Công ty tiếp tục hợp tác lâu dài với các đơn vị đối tác lâu năm để được đảm bảo giá cả được điều chỉnh hợp lý, bên cạnh đó, Công ty cũng tìm cách khai thác và đa dạng hóa các nguồn cung cấp nguyên vật liệu, nhân công hàng hóa đầu vào khác để có được cơ hội tiếp cận đến nguồn chi phí thấp nhất đồng thời nghiên cứu, triển khai biện pháp hoạt động tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí.

Như vậy, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát ổn định là nhân tố thúc đẩy hoạt động của Công ty, giúp cho các doanh nghiệp cũng như Công ty giảm thiểu được những rủi ro từ việc gia tăng các chi phí khác. Tuy nhiên, lạm phát không cao cũng khiến nhiều doanh nghiệp lo ngại về sức cầu của nền kinh tế. Do đó, các doanh nghiệp cần có những biện pháp hợp lý để duy trì sản lượng, doanh thu của mình

5.2. Rủi ro chính sách và pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty Tiên Trung chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản Luật và dưới luật, phổ biến rộng rãi những quy định, văn bản liên quan tới Cán bộ công nhân viên toàn công ty.

5.3. Rủi ro hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung hoạt động trong các lĩnh vực chính là: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, khai thác cát, đá, sỏi, đất sét, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá..., cho thuê kho bãi tại cảng của Công ty. Vì vậy, trong hoạt động của Công ty sẽ xuất hiện một số rủi ro đặc thù, bao gồm:

- Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với tốc độ phát triển cao của ngành vận tải cũng như hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, trong thời gian qua, sự cạnh tranh giữa các công ty trong lĩnh vực này đang diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt. Để thu hút được khách hàng, mở rộng thị trường, ngoài việc tích cực đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, Công ty cần phải tập trung nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ. Với tình hình kinh tế suy giảm thì tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sẽ ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Cạnh tranh tất yếu dẫn đến sự giảm giá dịch vụ nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng. Trong khi đó, các chi phí liên quan tới nguyên vật liệu đầu vào, nhân công... luôn biến động khiến cho việc quản lý các chi phí để đảm bảo chỉ tiêu đề ra sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu

Hiệu quả hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa bằng đường bộ cũng phụ thuộc rất nhiều bởi yếu tố nguyên liệu đầu vào như xăng dầu, hàng hóa... Trong thời gian qua, những thay đổi giá xăng dầu, những biến động giá nguyên vật liệu đã ảnh hưởng không nhỏ tới công tác quản lý rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.

- Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi đưa cổ phiếu lên niêm yết tập trung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc niêm yết cổ phiếu sẽ đem lại cho

Công ty những cơ hội để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác, nâng cao uy tín đối với khách hàng, tạo lập một kênh huy động vốn mới hiệu quả hơn ...

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam có những biến động nhất định trong thời gian qua, nhiều mã cổ phiếu giao dịch trên sàn thấp hơn giá trị sổ sách, giá cổ phiếu có thể thay đổi do tác động của các yếu tố như cung cầu, thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc sự thay đổi về môi trường pháp luật ... Để hạn chế những rủi ro nêu trên Công ty chủ động trong việc duy trì cơ cấu tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả và cam kết điều hành mọi hoạt động của Công ty theo hướng minh bạch, công bố thông tin về các hoạt động của Công ty kịp thời và chính xác theo đúng những quy định của pháp luật.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì mà mở rộng hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng.

Kết quả hoạt động tài chính của TTZ trong niên khóa 2020.

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	100.000.000.000	11.237.838.734	11,24%
2	Vốn điều lệ	210.704.000.000	75.704.440.000	35,93%
3	Lợi nhuận trước thuế	15.000.000.000	-3.349.526.373	-22,33%
4	Lợi nhuận sau thuế	12.000.000.000	-3.421.192.444	-28,51%
5	Cổ tức	0%	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty gặp nhiều khó khăn nên kết quả kinh doanh trong kỳ không đạt được như kế hoạch đề ra

Doanh thu thực hiện trong năm của Công ty là 11,24 tỷ đồng đạt 11,24% so với kế hoạch, doanh thu chính từ kinh doanh vật liệu xây dựng, tuy nhiên thị trường vật liệu xây dựng có nhiều biến động, mặt khác doanh thu của Công ty con Tiến Trung Hòa Bình giảm

khi thị trường tiêu thụ gạch gặp khó khăn. Đồng thời trong năm, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động theo hướng chuyên dịch ngành nghề kinh doanh, doanh thu lĩnh vực mới chưa được ghi nhận trong khi đó chi phí hoạt động cho giai đoạn triển khai dự án mới lớn, lĩnh vực kinh doanh truyền thống giá vốn hàng bán cao, chi phí khấu hao tài sản cố định tăng, đồng thời trong năm Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi, do đó làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp vẫn cần duy trì chi phí cho hoạt động kinh doanh, chi phí quản lý doanh nghiệp, cũng như chi phí cho hoạt động xúc tiến bán hàng, thúc đẩy tìm kiếm ký kết các hợp đồng mới dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty âm 3,4 tỷ đồng.

Kế hoạch phát hành tăng vốn của Công ty chưa triển khai trong năm 2019 do việc tìm kiếm nhà đầu tư thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty không thuận lợi nên Hội đồng quản trị Công ty quyết định giãn tiến độ tăng vốn vào thời điểm phù hợp.

Mặc dù lợi nhuận không đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đặt ra, nhưng với những định hướng mới của Ban lãnh đạo Công ty, dấu hiệu tích cực được thể hiện trong việc quản trị doanh nghiệp, ký kết các hợp đồng mới, dịch chuyển hoạt động kinh doanh sang hoạt động những ngành nghề có trình độ khoa học cao hứa hẹn sự phát triển vượt bậc của Công ty trong thời gian tới.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
2	Yang Xiao Dong	Thành viên HĐQT
3	Chen Yu	Thành viên HĐQT
4	Trần Thị Thanh Na	Thành viên HĐQT
5	Lê Minh Diện	Thành viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Nguyễn Tuấn Phương	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Loan	Thành viên BKS
3	Nguyễn Hải Văn	Thành viên BKS
III	Ban Giám đốc	
1	Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Lê Minh Diện	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 06/11/2019)
2	Trịnh Thị Anh	Phụ trách kế toán
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Phụ trách kế toán

2.1. Hội đồng quản trị

2.1.1. Hoàng Anh Quyết - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.2. Ông Lê Minh Diện – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Lê Minh Diện
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/11/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 03 - ngõ 220 phố Trần Lãm - phường Trần Lãm - TP Thái Bình – tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 034075000768 ngày cấp 17/12/2014 cấp tại cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
- Những người có liên quan: 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.3. Ông Chen Yu – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/12/1979
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Quê quán: Hangzhou, China
- Địa chỉ thường trú: Fenghuang shanjiao lu, Hangzhou shi. Zhejiang sheng. China
- Số CMND: 330727197912190019
- Trình độ chuyên môn: Đại học

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân : 680.400 cổ phần, tỷ lệ: 8,99%
- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
- Những người có liên quan:

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.4. Ông Yang Xiao Dong – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/12/1972
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Quê quán: Zhejiang sheng. China
- Địa chỉ thường trú: Fenghuang shanjiao lu, Hangzhou shi. Zhejiang sheng. China
- Số hộ chiếu: E14201751
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý tài chính

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 443.272 cổ phần, tỷ lệ: 5,86%

- Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
- Những người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.5. Bà Trần Thị Thanh Na – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/03/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 169/5-169/6 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP HCM
- Số CMND: 025986546
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 624.792 cổ phần, tỷ lệ: 8,25%
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Ban Kiểm soát

2.2.1. Ông Nguyễn Tuấn Phương - Trưởng Ban Kiểm Soát

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Khu 1 Văn Phú, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Số CMND: 131349161 do Công an Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/07/2009
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.2. Bà Nguyễn Thị Loan – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/07/1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ứng Hoà, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Nhà 136A , Ngõ 9 đường Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 112072832 cấp ngày 15/10/2003 tại CA tỉnh Hà Tây
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế - Khoa Kế Toán
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.3. Ông Nguyễn Hải Văn - Thành viên BKS

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/11/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiên Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xóm 12, Thôn Trung Tiên, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 151354343 cấp ngày 18/07/2011 tại CA Thái Bình
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế

00/00
CỔ
CỔ
JTU
À C
TIÊN
NH

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3. Ban Giám đốc

2.3.1. Ông Hoàng Anh Quyết–Tổng Giám đốc (đã nêu tại mục HĐQT - 2.1.1)

2.3.2. Bà Nguyễn Thị Mến- Phó Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Thị Mến
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/10/1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Số CMND: 150244409 Ngày cấp: 17/01/2005 Nơi cấp: Thái Bình.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 275.000 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện Tiến Trung : 0 Cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan : 477.600 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.4. Kế toán trưởng

2.4.1. Bà Trịnh Thị Anh- Phụ trách kế toán

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/07/1996
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Khánh Công, Yên Khánh, Ninh Bình.
- Địa chỉ thường trú: Khánh Công, Yên Khánh, Ninh Bình
- Số CCCD: 037196001898
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.4.2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Phụ trách kế toán

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/02/1994
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Sơn, Đô Lương, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Tân Sơn, Đô Lương, Nghệ An.
- Số CMND: 187451863
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những thay đổi trong ban điều hành

- Trong năm 2019, Công ty có sự thay đổi nhân sự chủ chốt như sau:

Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Ông Lê Minh Điện

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Trong thời gian tới sẽ ưu tiên tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với những cán bộ có kinh nghiệm quản lý dự án phục vụ cho mục tiêu đầu tư và phát triển Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ.

- Đào tạo nhân viên mới: Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo tại nơi làm việc: Tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Chính sách tiền lương:

Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế.

Nguyên tắc phân phối quỹ tiền lương năng suất: Phân phối theo lao động, gắn tiền lương với trách nhiệm công tác, năng suất lao động, hiệu quả lao động của từng người, khuyến khích người có chuyên môn, kỹ thuật cao.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Khen thưởng định kỳ theo quý, năm hoặc theo phong trào phát động;

- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thương cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thường sáng kiến;
- Thương trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các dự án Công ty thực hiện trong năm 2019

Trong năm 2019, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình

- Địa chỉ: Thôn Trọng, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (gạch tuynel, ngói....); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, vôi và thạch cao....
- Vốn điều lệ 38,000,000,000 đồng, tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La

- Địa chỉ: Bản Pó Màng, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vật liệu xây dựng, đầu tư dự án
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	93.149.388.362	91.100.678.404	-2,20%
2	Doanh thu thuần	161.925.037.490	11.237.838.734	-93,06%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.071.163.502	-3.437.878.049	-265,99%

4	Lợi nhuận khác	(1.797.899.021)	88.351.676	-104,91%
5	Lợi nhuận trước thuế	273.264.481	-3.349.526.373	-1.325,75%
6	Lợi nhuận sau thuế	176.109.181	-3.421.192.444	-2.042,65%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	25	-452	-1.908%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán)

Doanh thu năm 2019 Công ty giảm so với năm 2018, do một số nguyên nhân sau:

Doanh thu năm 2019 hợp nhất của Công ty giảm 93,06%, do hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng giảm mạnh bên cạnh đó, các dịch vụ kinh doanh khác không đem lại doanh thu khi trong năm Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động.

Biến động lợi nhuận năm 2019 so với năm 2018

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm mạnh so với năm 2018 do hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng giảm thị phần khi thị trường tiêu thụ gạch của công ty con – Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình gặp khó khăn. Đồng thời trong năm, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động theo hướng chuyển dịch ngành nghề kinh doanh, doanh thu lĩnh vực mới chưa được ghi nhận trong khi đó chi phí hoạt động cho giai đoạn triển khai dự án mới lớn, lĩnh vực kinh doanh truyền thống giá vốn hàng bán cao, chi phí khấu hao tài sản cố định tăng, ngoài ra, trong năm Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi, do đó làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp vẫn cần duy trì chi phí cho hoạt động kinh doanh, chi phí quản lý doanh nghiệp, cũng như chi phí cho hoạt động xúc tiến bán hàng, thúc đẩy tìm kiếm ký kết các hợp đồng mới dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty âm 3,4 tỷ đồng.

4.2. Các chỉ tiêu khác:

Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
- Hệ số thanh toán hiện hành: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,80	2,91
- Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,04	2,33
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	17,05	18,94

- Nợ phải trả/vốn CSH	%	20,55	23,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	Lần	11,70	14,28
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	1,71	0,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,11%	-30,44%
- LN sau thuế /VCSH bình quân	%	0,23%	-4,53%
- LN sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	0,19%	-3,71%
- LN hoạt động kinh doanh/DTT	%	1,28%	-30,59%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	7.570.444 cổ phần
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	7.570.444 cổ phần
	Tổng số	7.570.444 cổ phần

Cơ cấu cổ đông công ty (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/12/2019)

	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL thực góp
1	Cổ đông trong nước	166	5.367.347	53.673.470.000	70,90%
	Cổ đông là tổ chức	4	579.776	5.797.760.000	7,66%
	Cổ đông là cá nhân	162	4.787.571	47.875.710.000	63,24%
2	Cổ đông nước ngoài	16	2.203.097	22.030.970.000	29,10%
	Cổ đông là tổ chức	4	12.519	125.190.000	0,17%
	Cổ đông là cá nhân	12	2.190.578	21.905.780.000	28,94%

Tổng Cộng	241	7.570.444	75.704.440.000	100%
------------------	------------	------------------	-----------------------	-------------

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 10/12/2019

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ trọng
1	Nguyễn Thanh Tú	Ô 2308, tầng 23, tòa Tây Lotte Center, 54 Liễu Giai, Bà Đình, Hà Nội	523.976	6,92%
2	Trần Thị Thanh Na	169/5-169/6 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tân Phong, Quận 7, TPHCM	624.792	8,25%
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Việt Tú	Ô 2308, Tầng 23, Tòa Tây Lotte Center - 54 Liễu Giai, P. Công Vị, Ba Đình, Hà Nội	453.987	6,00%
4	CHEN YU	Fenghuang shanjiao lu, Hangzhou shi. Zhejiang sheng. China	714.420	9,44%
5	Yang Xiao Dong	40 Kai Yuan Road, LongYou City, Zhe Jiang, China	443.272	5,86%
	Tổng		2.760.447	36,46%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kinh doanh vật liệu xây dựng:

Công ty đã có bề dày 16 năm kinh doanh vật liệu xây dựng, là đơn vị cung cấp nguyên vật liệu xây dựng có uy tín trong địa bàn tỉnh Thái Bình và các vùng lân cận phục vụ thi công các công trình xây dựng. Tuy nhiên, do tình hình hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng gặp khó khăn, trong năm công ty đã tập trung tái cấu trúc hoạt động, tìm kiếm hướng đi mới thay đổi định hướng hoạt động kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả hoạt động tốt hơn, nâng cao giá trị cốt lõi của Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty cũng đã nỗ lực xúc tiến mở rộng thị trường hoạt động, xúc tiến tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả, từng bước đưa công ty ổn định và phát triển bền vững.

b. Lĩnh vực vận tải

Công ty thực hiện hai mảng kinh doanh vận tải đường thủy và vận tải đường bộ. Sau khi hoàn thành đầu tư cảng TTZ Port trong năm 2013, năm 2018 Ban lãnh đạo Công ty đã khai thác tối đa công suất hoạt động của cảng. Công ty đã ký kết nhiều hợp đồng vận chuyển dài hạn nên rất ổn định về doanh số hàng năm.

c. Triển khai các dự án

Dự án Xây dựng xưởng sản xuất đá xây dựng: Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành giai đoạn san lấp mặt bằng, xây dựng cơ bản (kè, tường rào, nhà điều hành, nhà ăn, kho, đường nội bộ và hệ thống cây xanh). Tuy nhiên, năm 2015 Công ty tạm dừng đầu tư do thị trường VLXD chưa có dấu hiệu hồi phục để nghiên cứu đánh giá lại nhằm đảm bảo an toàn vốn đầu tư.

Dự án Nhà máy gạch Tuynel tại Hòa Bình: Tháng 9 năm 2015, Nhà máy đã chính thức hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại, đây là dự án công ty khởi công từ năm 2012. sản phẩm của nhà máy được khách hàng đánh giá tốt, nhiều đơn đặt hàng đã được ký kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Với công suất hiện tại, nguồn cung gạch của nhà máy chưa đủ đáp ứng cầu xây dựng các công trình hạ tầng và dân dụng trong địa bàn hoạt động. Nhà máy gạch đã mang lại doanh thu đáng kể cho Công ty trong năm 2018.

Cuối năm 2018, Công ty đã bổ sung vốn thêm 10 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình để đầu tư khai thác mỏ đất sét làm nguyên vật liệu cho nhà máy gạch Tuynel Hòa Bình, như vậy bắt đầu từ năm 2018 Công ty hoàn toàn chủ động về nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho nhà máy.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

Đơn vị: đồng

Tài sản	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	48.022.351.112	50.153.251.782	4,44%
Tài sản dài hạn	45.127.037.250	40.947.426.622	-9,26%
Tổng tài sản	93.149.388.362	91.100.678.404	-2,20%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán)

Tài sản ngắn hạn của Công ty năm 2019 tăng 2,13 tỷ đồng, tương ứng tăng 4,44% so với năm 2018. Ngược lại, tài sản dài hạn lại giảm 9,26% so với năm 2018 do trong năm Công ty thực hiện thanh lý một số tài sản. Mức giảm của tài sản dài hạn lớn hơn mức tăng của tài sản ngắn hạn, do đó, tổng tài sản năm 2019 của Công ty giảm 2,2%, tương ứng giảm hơn 2 tỷ đồng so với năm 2018.

b) Tình hình biến động nguồn vốn

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/giảm
Nợ phải trả	15.881.552.551	17.254.035.036	8,64%
Vốn Chủ sở hữu	77.267.835.812	73.846.643.368	-4,43%
- Vốn đầu tư của CSH	75.704.440.000	75.704.440.000	-
Tổng nguồn vốn	93.149.388.362	91.100.678.404	-2,20%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán)

Nợ phải trả trong năm của Công ty tăng 8,6%, tuy nhiên lợi nhuận trong năm công ty âm 3,4 tỷ đồng dẫn đến vốn chủ sở hữu giảm 4,43% nên tổng nguồn vốn của Công ty năm 2019 giảm 2,2% so với năm 2018.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2018	31/12/2019
I	Các khoản nợ phải trả	15.881.552.551	17.254.035.036
1	Nợ ngắn hạn	15.670.282.605	17.254.035.036
	- Phải trả người bán	6.868.844.155	5.873.337.651
	- Người mua trả tiền trước	1.706.822.323	200.092.300
	- Thuế và các khoản phải nộp NN	1.570.707.130	1.109.486.943
	- Phải trả ngắn hạn khác	1.520.138.628	1.520.138.628
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.003.770.369	8.550.979.514
2	Nợ dài hạn	211.269.946	-
	Vay và nợ dài hạn	211.269.946	-
	Tổng	15.881.552.551	17.254.035.036

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua Công ty đã thực hiện kiện toàn được tổ chức bộ máy điều hành, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế làm việc. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và hệ thống lại một cách khoa học về sổ sách và chế độ hạch toán, kế toán qua đó phản ánh kịp thời và chính xác tình hình tài chính của Công ty giúp Ban lãnh đạo đưa ra những quyết sách kịp thời, chính xác.

Mã chứng khoán TTZ của Công ty giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Do đó, Công ty đã phải thực hiện áp dụng chế độ báo cáo theo quy định và làm tăng tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kinh doanh VLXD: Công ty chỉ thực hiện cung ứng cho các đối tác có khả năng về tài chính tốt, hoặc các dự án có nguồn vốn rõ ràng và khả năng thanh toán cao; Giảm thiểu dữ trữ hàng tồn kho; hạn chế thực hiện các chính sách bán hàng chậm trả...

- Dịch vụ vận tải & cung ứng nguyên liệu công nghiệp: Trong giai đoạn này nhu cầu về vận tải và nguyên vật liệu sản xuất công nghiệp (đất sét, cát chuyên dụng, cao lanh, than đá...) ngày tăng cao do sự phát triển về hạ tầng và mở rộng KCN trong địa bàn hoạt động của Công ty. Do đó, Chủ trương của Công ty là đầu tư mở rộng thị phần ở lĩnh vực hoạt động này, nên sẽ chú trọng đầu tư thêm phương tiện chuyên chở (tàu thủy, xe ô tô tải, máy xúc, máy ủi...), đầu tư mở rộng các hoạt động liên quan tới lĩnh vực này.

- Dịch vụ kho cảng: Tiếp tục khai thác tối đa công suất của cảng TTZ Port. Công ty sẽ tiếp tục nâng cấp (đầu tư thêm thiết bị, xây dựng thêm cầu cảng) và khai thác tối đa công suất của lĩnh vực hoạt động này để phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ vận tải và kinh doanh nguyên vật liệu công nghiệp của Công ty.

- Dự án Nhà máy gạch Tuynel tại Hòa Bình: Tăng tối đa công suất hoạt động của nhà máy. Đẩy mạnh công tác marketing để đưa sản phẩm gạch của Công ty trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, Sơn La. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ có nghị quyết ưu tiên ngân sách phát triển hạ tầng khu vực Tây Bắc nên đây là cơ hội lớn cho đầu ra sản phẩm của Nhà máy. Hiện tại, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công TNHH Việt Nhật Hòa Bình khai thác chế biến đá vôi làm VLXD thông thường để thành chuỗi cung ứng.

- Hoạt động khác của công ty:

+ Phát triển nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự thành công của công ty trong suốt thời gian qua. Do đó, để duy trì và phát huy hơn nữa giá trị quý báu này,

Công ty Tiên Trung sẽ phải tiếp tục kiện toàn tổ chức, điều chỉnh bộ máy cho phù hợp với mục tiêu hoạt động trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài.

+ Tích cực quan hệ cổ đông: Công ty dự kiến sẽ đầu tư phần mềm quản lý thông tin cổ đông và phản hồi mọi thắc mắc, nhu cầu tìm hiểu thông tin cho cổ đông, để cổ đông có thể cập nhật thông tin kịp thời về doanh nghiệp...

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trước những khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu, kinh tế ở trong nước, những khó khăn của lĩnh vực xây dựng và cả những khó khăn nội tại Công ty gặp phải, Hội đồng quản trị đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, định hướng phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời đề ra nhiều giải pháp quản lý chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các hoạt động được điều hành một cách linh hoạt theo chiều hướng tích cực và ứng phó kịp thời với những rủi ro do yếu tố khách quan mang lại.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Nhìn chung trong năm tài khóa 2019, Ban điều hành Công ty đã thực hiện được cơ bản các nghị quyết của Đại hội cổ đông. Vẫn duy trì sự ổn định và điều hành hoạt động của Công ty, đưa ra được những quyết định hợp lý để bảo toàn vốn của cổ đông. Thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ Quy định. Quản lý tài chính chặt chẽ, nộp ngân sách Nhà nước về thuế, HBXH, BHYT và các chế độ đãi ngộ cho người lao động đúng quy định của công ty và pháp luật.

Do đó, Hội đồng quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực quản lý và phẩm chất đạo đức của Ban Giám đốc trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

HĐQT công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam cũng như của Công ty bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về môi trường và quản lý, tạo việc làm ổn định cho người lao động và tăng quy mô vị thế của Công ty trên thị trường.

- Duy trì việc trao đổi tình hình hàng tuần giữa chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất và phát huy các sáng kiến, tưởng của các thành viên cho hoạt động của HĐQT và của Công ty.

- Duy trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng tháng nhằm đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

- Soạn thảo chiến lược phát triển Công ty.

Với những biến động không ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành công ty để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra cho năm 2020.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TVHĐQT	Ngày không còn là TVHĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch HĐQT	-	-	2/2	100%	
2	Yang Xiao Dong	Thành viên HĐQT	28/06/2018	-	2/2	100%	
3	Yu Chen	Thành viên HĐQT	28/06/2018	-	2/2	100%	
4	Trần Thị Thanh Na	Thành viên HĐQT	28/06/2018	-	2/2	100%	
5	Lê Minh Diệm	Thành viên HĐQT	6/12/2018	-	2/2	100%	

1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thực hiện triển khai đầy đủ nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra, bao gồm: triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng thể đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và tập trung, tăng cường chỉ đạo rà soát, triển khai và hoàn thiện các hoạt động trọng điểm của Công ty.
 - Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
 - Tích cực hoạt động tạo ra nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác quan trọng để mở rộng thị trường, chuyển đổi những hoạt động (kinh doanh, dự án cũ) mất khả năng sinh lời hoặc thiếu tính bền vững sang những mảng hoạt động mới có tính bền vững và có tỷ suất lợi nhuận cao hơn .
- Đối với hoạt động quản trị nhân lực:
 - HĐQT giám sát và kiểm tra công tác quản trị nhân lực của Ban giám đốc; xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu của công ty; Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động sao cho thỏa đáng trên cơ sở quy định của pháp luật.
 - Xây dựng và hoàn thiện quy trình làm việc; Quản trị; Thông tin liên lạc một cách khoa học để nâng cao khả năng quản lý tài chính và chất lượng quản trị nói chung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.4. Các nghị quyết/Biên bản họp HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Biên bản	Ngày	Nội dung
1.	02.4/2019/NQ - HĐQT	02/4/2019	Biên bản tổng kết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2019
2.	01/2019/NQ - HĐQT	20/5/2019	Nghị quyết thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

2. Hoạt động Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TVBKS	Ngày không còn là TVBKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Nguyễn Tuấn Phương	Trưởng BKS	28/6/2018		4/4	100%
2	Nguyễn Văn Hải	TV BKS			4/4	100%
3	Nguyễn Thị Loan	TV BKS			4/4	100%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong thời gian hoạt động của năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành 04 phiên họp, tiến hành các hoạt động giám sát và đánh giá hoạt động Công ty qua báo cáo tài chính và thực hiện kiểm tra một số hồ sơ tài liệu. Nội dung giám sát gồm:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và thẩm định báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Ban đã kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các văn bản, báo cáo định kỳ của các Phòng chuyên môn.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách pháp luật, chế độ của Nhà nước, các quy định của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc.

- Phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY giám sát việc thực hiện công tác kiểm kê, quyết toán, thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019 của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích khác

Thù lao và quyết toán Hội đồng quản trị, ban kiểm soát công ty năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019.

3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

1	Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch HĐQT	115.600	2%	36.500	0,48%	Bán
2	Trần Thị Thanh Na	TV HĐQT	619.392	8,18%	624.792	8,25%	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Năm 2019, Công ty thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định về quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác của Nhà nước ban hành

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (kèm theo)

Thái Bình, ngày 20 tháng 04 năm 2020.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**



HOANG ANH QUYẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên
Ông Chen Yu	Thành viên
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên
Ông Lê Minh Diện	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Lê Minh Diện	Kế toán trưởng	Từ nhiệm ngày 05/11/2019
Bà Trịnh Thị Anh	Phụ trách kế toán	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07/04/2020, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung tại ngày 31 tháng 12 ngày 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề nhân mạnh

Tại thuyết minh số 3.10, trong năm 2019, Cục thuế tỉnh Thái Bình thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo Quyết định số 337/QĐ-CCTKV ngày 28/11/2019, quyết định có hiệu lực trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày 02/12/2019 đến hết ngày 01/12/2020.

Ngày 24/09/2019, Cục thuế tỉnh Thái Bình đã ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung với số tiền bị cưỡng chế là 919.708.604 đồng. Tài khoản bị cưỡng chế là tài khoản của công ty mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàng Mai. Nguyên nhân, do công ty nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế nêu trên.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Lê Quang Nghĩa

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.153.251.782	48.022.351.112
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.046.745.151	744.051.349
Tiền	111		1.046.745.151	744.051.349
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.792.677.626	35.106.633.188
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.252.761.870	6.494.313.685
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	29.875.863.436	29.034.090.142
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	84.000.000	345.577.044
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.420.057.680)	(767.457.683)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		110.000	110.000
Hàng tồn kho	140	9	9.953.533.138	11.904.082.568
Hàng tồn kho	141		9.953.533.138	11.904.082.568
Tài sản ngắn hạn khác	150		360.295.867	267.584.007
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	34.232.433	170.300.115
Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.000	97.283.892
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	325.963.434	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.947.426.621	45.127.037.250
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	14.000.000.000	14.000.000.000
Tài sản cố định	220		12.458.792.138	16.544.856.480
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.458.792.138	16.544.856.480
- Nguyên giá	222		21.278.547.847	24.943.550.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.819.755.709)	(8.398.693.766)
Tài sản dở dang dài hạn	240	10	14.341.142.042	14.341.142.042
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.341.142.042	14.341.142.042
Tài sản dài hạn khác	260		147.492.441	241.038.728
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	-	93.546.287
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		147.492.441	147.492.441
TỔNG TÀI SẢN	270		91.100.678.403	93.149.388.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.254.035.036	15.881.552.551
Nợ ngắn hạn	310		17.254.035.036	15.670.282.605
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	5.873.337.651	6.868.844.155
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.092.300	1.706.822.323
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.109.486.943	1.570.707.130
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.520.138.628	1.520.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	8.550.979.514	4.003.770.369
Nợ dài hạn	330		-	211.269.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	211.269.946
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	73.846.643.367	77.267.835.811
Vốn chủ sở hữu	410		73.846.643.367	77.267.835.811
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	75.704.440.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.857.796.633)	1.563.395.811
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.563.395.811	1.387.286.631
- LNST chưa phân phối năm này	421b		(3.421.192.444)	176.109.180
TỔNG NGUỒN VỐN	440		91.100.678.403	93.149.388.362

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	11.237.838.734	161.925.037.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.237.838.734	161.925.037.490
Giá vốn hàng bán	11	18	10.767.421.134	156.059.614.705
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		470.417.600	5.865.422.785
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	520.224.588	63.378.020
Chi phí tài chính	22	20	278.637.007	380.181.179
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		278.637.007	380.181.179
Chi phí bán hàng	25	21	603.383.652	1.525.149.657
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.546.499.578	1.952.306.467
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.437.878.049)	2.071.163.502
Thu nhập khác	31	22	1.543.733.788	806.756.045
Chi phí khác	32	23	1.455.382.112	2.604.655.066
Lợi nhuận khác	40		88.351.676	(1.797.899.021)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.349.526.373)	273.264.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	71.666.071	97.155.300
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.421.192.444)	176.109.181
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3.421.192.444)	176.109.181
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(452)	25

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(3.349.526.373)	273.264.481
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.319.993.964	3.225.896.535
Các khoản dự phòng	03		652.599.997	(922.285.744)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(824.962.817)	2.439.374.002
Chi phí lãi vay	06		278.637.007	380.181.179
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(923.258.222)	5.396.430.453
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(4.357.264.886)	12.169.099.606
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		1.950.549.430	(1.086.231.518)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.625.895.572)	(1.630.847.348)
Giảm chi phí trả trước	12		229.613.969	660.345.550
Tiền lãi vay đã trả	14		(278.637.007)	(380.181.179)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(778.517.528)	(921.322.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.783.409.816)	14.207.293.212
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(16.950.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.750.000.000	1.004.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.900.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		124.104	378.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.750.124.104	(14.045.621.980)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		17.163.651.893	6.860.040.315
Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.827.672.379)	(7.164.037.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.335.979.514	(303.997.439)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		302.693.802	(142.326.207)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	744.051.349	886.377.556
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.046.745.151	744.051.349

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020



Hoàng Anh Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 10 ngày 03/12/2018, Vốn điều lệ của Công ty là: 75.704.440.000 VNĐ (Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) được chia thành 7.570.444 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiếu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2019 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm kế toán.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Trong năm, Cục thuế tỉnh Thái Bình gửi quyết định số 337/QĐ-CCTKV ngày 28/11/2019 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung, quyết định có hiệu lực trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày 02/12/2019 đến hết ngày 01/12/2020.

Ngày 24/09/2019, Chi cục thuế tỉnh Thái Bình đã ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung. Số tiền bị cưỡng chế là 919.708.604 đồng. Tài khoản bị cưỡng chế là tài khoản của công ty mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàng Mai. Nguyên nhân, do công ty nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế nêu trên.

3.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.038.133.375	701.059.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.611.776	42.992.341
	1.046.745.151	744.051.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	34.232.433	170.300.115
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.232.433	170.300.115
Dài hạn	-	93.546.287
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	93.546.287
	34.232.433	263.846.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.252.761.870	(1.420.057.680)	6.494.313.685	(767.457.683)
- Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	3.629.000.000	(1.088.700.000)	4.496.400.000	-
- Công ty TNHH Long Triều	-	-	451.100.003	(451.100.003)
- Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	(182.964.620)	182.964.620	(182.964.620)
- Công ty cổ phần xây dựng sản xuất và thương mại Đại Sản	3.240.247.850	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.200.549.400	(148.393.060)	1.363.849.062	(133.393.060)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	10.252.761.870	(1.420.057.680)	6.494.313.685	(767.457.683)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	29.875.863.436	-	29.034.090.142	-
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh (1)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Quốc Tế Long Phát Đạt	4.501.000.000	-	4.085.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiệp Mơ	139.621.200	-	139.621.200	-
- Công ty TNHH Skylink Việt Nam	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Ông Bùi Văn Tường (2)	6.450.000.000	-	6.450.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Vinh (3)	5.107.788.532	-	5.107.788.532	-
- Trả trước cho người bán khác	677.453.704	-	251.680.410	-
Dài hạn	-	-	-	-
	29.875.863.436	-	29.034.090.142	-

- (1) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Rãm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng công chứng số 554/quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD với hộ gia đình Ông Nguyễn Hữu Hạnh, giá trị chuyển nhượng là 10.500.000.000 đồng.
- (2) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với ông Bùi Văn Tường nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524980 với diện tích 16.944 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Rãm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng công chứng số 554/quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD với hộ gia đình Ông Bùi Văn Tường, giá trị chuyển nhượng là 6.450.000.000 đồng.
- (3) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/04/2016 giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với ông Nguyễn Văn Vinh tại thửa đất lô số CH02710 với diện tích 33.317,2 m² tại Xóm Trọm, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	84.000.000	-	345.577.044	-
- Tạm ứng	-	-	240.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Liên	63.000.000	-	63.000.000	-
- Phải thu khác	21.000.000	-	42.577.044	-
Dài hạn	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (*)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	14.084.000.000	-	14.345.577.044	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hai hợp đồng Hợp tác kinh doanh:

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình; giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 9.000.000.000 đồng;
- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty con - Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 5.000.000.000 đồng;

Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sẽ lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được. Tại ngày 31/12/2019, theo báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư cho kỳ 6 tháng cuối năm 2019, dự án đã hoàn thiện thủ tục pháp lý và đang triển khai xây dựng các hạng mục công trình. Dự án dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động trong quý II năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.041.849.327	-	868.411.842	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	8.607.111.158	-	9.970.866.252	-
Thành phẩm	179.556.260	-	526.246.183	-
Hàng hóa	125.016.393	-	538.558.291	-
	9.953.533.138	-	11.904.082.568	-

(*) Là chi phí thực hiện san lấp mặt bằng tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01/01/2018.

10. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	14.341.142.042	-	14.341.142.042	-
- Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tiến Trung Hòa Bình (*)	14.341.142.042	-	14.341.142.042	-
	14.341.142.042	-	14.341.142.042	-

(*) Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đang được Công ty tiếp tục xây dựng cho Công ty con theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2019	15.468.578.429	3.312.848.849	6.162.122.968	24.943.550.246
- Tăng, giảm khác	121.526	(364.000)	242.474	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.036.753.308)	(72.727.273)	(1.555.521.818)	(3.665.002.399)
31/12/2019	<u>13.431.946.647</u>	<u>3.239.757.576</u>	<u>4.606.843.624</u>	<u>21.278.547.847</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2019	(3.551.058.793)	(2.019.469.002)	(2.828.165.971)	(8.398.693.766)
- Khấu hao trong năm	(983.208.468)	(631.787.963)	(704.997.533)	(2.319.993.964)
- Tăng, giảm khác	(7.283.580)	-	7.283.580	-
- Thanh lý, nhượng bán	987.420.396	72.727.273	838.784.352	1.898.932.021
31/12/2019	<u>(3.554.130.445)</u>	<u>(2.578.529.692)</u>	<u>(2.687.095.572)</u>	<u>(8.819.755.709)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2019	<u>11.917.519.636</u>	<u>1.293.379.847</u>	<u>3.333.956.997</u>	<u>16.544.856.480</u>
31/12/2019	<u>9.877.816.202</u>	<u>661.227.884</u>	<u>1.919.748.052</u>	<u>12.458.792.138</u>

Tại ngày 31/12/2019:

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 322.113.333 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	5.873.337.651	5.873.337.651	6.868.844.155	6.868.844.155
- Công ty TNHH Thương mại và VLXD Tây Hà	594.404.820	594.404.820	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thịnh Gia Phát	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Hóa dầu và Chất đốt	716.652.810	716.652.810	716.652.810	716.652.810
- Công ty Oanh Tuyết	546.964.000	546.964.000	546.964.000	546.964.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.015.316.021	2.015.316.021	3.605.227.345	3.605.227.345
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	5.873.337.651	5.873.337.651	6.868.844.155	6.868.844.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI PHẢI NỢP/THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	596.229.891	426.204.776	474.057.026	548.377.641
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	728.915.425	71.666.071	460.743.385	339.838.111
- Thuế thu nhập cá nhân	5.200.000	-	-	5.200.000
- Thuế tài nguyên	21.863.622	70.890.000	35.875.158	56.878.464
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	70.886.665	-	70.886.665	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	147.611.527	21.455.167	9.873.967	159.192.727
	1.570.707.130	590.216.014	1.051.436.201	1.109.486.943
	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	317.774.143	317.774.143
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	4.075.956	4.075.956
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.113.335	4.113.335
	-	-	325.963.434	325.963.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.520.138.628	1.520.138.628
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.520.138.628	1.520.138.628
+ <i>Cổ tức phải trả (*)</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>1.400.000.000</i>
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>120.138.628</i>	<i>120.138.628</i>
Dài hạn	-	-
	1.520.138.628	1.520.138.628

(*) Theo thông báo số 11618/VSD-ĐK.NV ngày 24/12/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc thay đổi ngày thanh toán cổ tức - mã chứng khoán TTZ. Thông tin điều chỉnh thời gian thực hiện là ngày 30/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	8.550.979.514	8.550.979.514	17.374.921.839	12.827.712.694	4.003.770.369	4.003.770.369
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>8.241.362.893</i>	<i>8.241.362.893</i>	<i>17.163.651.893</i>	<i>12.352.329.315</i>	<i>3.430.040.315</i>	<i>3.430.040.315</i>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.000.000	3.430.000.000	6.860.000.000	6.860.040.315	3.430.040.315	3.430.040.315
- Vay cá nhân (2)	4.811.362.893	4.811.362.893	10.303.651.893	5.492.289.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>309.616.621</i>	<i>309.616.621</i>	<i>211.269.946</i>	<i>475.383.379</i>	<i>573.730.054</i>	<i>573.730.054</i>
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	260.000.000	260.000.000	140.000.000	240.000.000	360.000.000	360.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	49.616.621	49.616.621	71.269.946	235.383.379	213.730.054	213.730.054
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	211.269.946	211.269.946	211.269.946
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	-	-	-	140.000.000	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	-	-	-	71.269.946	71.269.946	71.269.946
Cộng	8.550.979.514	8.550.979.514	17.374.921.839	13.038.982.640	4.215.040.315	4.215.040.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 629/2018/HDTD/HMI/01 ngày 20/9/2018, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000, thời hạn vay 12 tháng, thời gian giải ngân kể từ ngày 20/09/2018 đến ngày 20/09/2019, lãi suất quy định theo từng khung nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết. Số dư cuối kỳ 3.430.000.000 đồng có thời hạn vay 6 tháng, thời gian đáo hạn đến tháng 3/2020.
- (2) Các khoản vay cá nhân cá nhân với lãi suất 0%.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2018	70.000.000.000	8.491.726.630	78.491.726.630
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	5.704.440.000	(5.704.440.000)	-
- Lãi trong năm	-	176.109.181	176.109.181
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
31/12/2018	75.704.440.000	1.563.395.811	77.267.835.811
01/01/2019	75.704.440.000	1.563.395.811	77.267.835.811
- Lỗ trong năm	-	(3.421.192.444)	(3.421.192.444)
31/12/2019	75.704.440.000	(1.857.796.633)	73.846.643.367

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019 VND
- Ông Hoàng Anh Quyết	365.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tú	5.239.760.000
- Trần Thị Thanh Na	6.247.920.000
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Việt Tú	4.435.770.000
- Ông Chen Yu	7.144.200.000
- Ông Yang Xiao Dong	4.432.720.000
- Các đối tượng khác	47.839.070.000
	75.704.440.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	75.704.440.000	70.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	5.704.440.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	75.704.440.000	75.704.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16.4 CỐ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.570.444	7.570.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	11.237.838.734	161.456.661.335
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	468.376.155
	11.237.838.734	161.925.037.490

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	10.767.421.134	155.941.363.762
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	118.250.943
	10.767.421.134	156.059.614.705

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.104	63.378.020
Lãi tài chính khác	520.100.484	-
	520.224.588	63.378.020

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	278.637.007	380.181.179
	278.637.007	380.181.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí bán hàng	603.383.652	1.525.149.657
Chi phí nhân viên	-	136.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	586.157.652	1.288.828.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.226.000	100.321.549
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.546.499.578	1.952.306.467
Chi phí nhân viên	270.602.750	625.468.184
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ văn phòng	330.457.347	631.409.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.585.602.726	784.702.884
Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	107.786.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.940.851	645.376.028
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(902.285.744)
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.103.700.000	-
Chi phí quản lý bằng tiền khác	9.195.904	59.849.338
	4.149.883.230	3.477.456.124

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	824.838.713	-
Các khoản khác	718.895.075	806.756.045
	1.543.733.788	806.756.045

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Xử lý chi phí dở dang	1.363.755.094	-
Các khoản bị phạt	91.623.018	101.903.044
Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đã bù trừ tiền thu thanh lý	-	2.502.752.022
Các khoản khác	4.000	-
	1.455.382.112	2.604.655.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.905.598.562	2.442.257.067
Chi phí nhân công	270.602.750	3.062.452.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.885.386	865.492.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.171.760.378	3.225.896.535
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(902.285.744)
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.103.700.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.102.755	1.251.288.078
	13.819.649.831	9.945.100.842

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>(2.719.355.628)</i>	<i>344.857.093</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	37.386	6.192.949
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>(2.719.318.242)</i>	<i>351.050.042</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	-	4.575.236
Thuế TNDN truy thu năm 2018	43.000.000	-
Thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	43.000.000	65.634.772
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>(1.517.169.400)</i>	<i>(71.592.612)</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	1.455.344.726	24.400.000
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>(61.824.674)</i>	<i>(47.192.612)</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	-	31.520.528
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Thanh tra Thuế	28.666.071	-
Thuế TNDN hiện hành của Công ty con	28.666.071	31.520.528
Thuế TNDN hiện hành hợp nhất	71.666.071	97.155.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi/lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(3.421.192.444)	176.109.181
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	7.570.444	7.141.922
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(452)	25

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	181.500.000	121.800.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thanh lý tài sản cho ông Hoàng Anh Quyết	2.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Tạm ứng của ông Hoàng Anh Quyết	-	240.000.000

28.2 THÔNG TIN KHÁC

Công ty TNHH TTZ MEDIA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108457384 ngày 03/10/2018, chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung. Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2019 Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH TTZ MEDIA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã được kiểm toán.

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết